

Bản án số: 412/2025/HS-PT
Ngày 05-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 29 tháng 5 và 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 68/2025/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Văn Quốc K cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Hoàng Văn Quốc K, Nguyễn Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 604/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hoàng Văn Quốc K; giới tính: nam; sinh ngày 22/9/1993 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Xã T, huyện A, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Hoàng Văn L và bà: Trần Thị S; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/03/2024. (Có mặt)

2. Nguyễn Thị H; giới tính: nữ; sinh ngày 03/12/1969 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: 195 đường L, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông: Nguyễn Văn M và bà: Nguyễn Thị C; có chồng (đã ly hôn) và có 02 người con (sinh năm 1987 và năm 1989); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/01/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, về tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài” (đã chấp hành xong thời gian thử thách ngày 26/10/2022); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

**Người bào chữa của bị cáo H:*

- Luật sư Nguyễn Văn L1 – Đoàn Luật sư tỉnh N; (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Luật sư Nguyễn Thị Tố O – Đoàn Luật sư tỉnh N. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

(Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không tiến hành triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua công tác giải quyết hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu trên Cổng Dịch vụ Công của Bộ C1, Cục Q Bộ C1 phát hiện 14 công dân Việt Nam, gồm: Nguyễn Văn P, Đặng Hữu H1, Nguyễn Thanh M1, Lê Văn Đ, Hồ Công Anh T, Nguyễn Thị Hương L2, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Thùy L3, Hồ Trọng V, Võ Thị T1, Nguyễn Đức H2, Phan Hoàng V1, Phạm Trọng H3 và Nguyễn Thanh T2 xuất cảnh đi Chi Lê du lịch theo diện miễn Visa trên chuyến bay BR396 ngày 03/12/2023 của hãng hàng không E (Đài Loan, Trung Quốc), tại Cảng hàng không Quốc tế T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng bị từ chối chuyên chở do thủ tục không hợp pháp. Kết quả kiểm tra, xác minh thể hiện có dấu hiệu tội phạm “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”, nên ngày 02/01/2024, Cục Q Bộ C1 đã chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan An ninh điều tra Bộ C1. Ngày 18/01/2024, Cơ quan An ninh điều tra Bộ C1 chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H, để giải quyết theo thẩm quyền. Kết quả điều tra xác định:

1. Hành vi phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” của Hoàng Văn Quốc K:

Tháng 6/2023, thông qua các hội nhóm du lịch dịch vụ và xuất khẩu lao động trên mạng xã hội, Hoàng Văn Quốc K quen người phụ nữ tên Anna T3 (không lai lịch, định cư tại Mỹ), sử dụng tài khoản Whatsapp tên Anna T3 (đăng ký bằng số điện thoại +447413536323). Anna Trương thoả thuận để K tìm kiếm, giới thiệu người có nhu cầu xuất cảnh sang Mỹ (để ở lại lao động bất hợp pháp, không cần xin Visa nhập cảnh) bằng cách từ Việt Nam xuất cảnh sang Cuba hoặc Chi Lê, sẽ có người của Anna Trương đón, tổ chức nhập cảnh trái phép vào Mỹ thì K được trả công là 1.000 Đô la Mỹ/01 người (tương đương 24.000.000 đồng khi nhập cảnh được Cuba hoặc C), K đồng ý.

Bằng phương thức trên, từ tháng 7/2023 đến tháng 9/2023, K đã thỏa 32 thuận với 06 người có nhu cầu xuất cảnh sang Mỹ (mục đích để ở lại lao động bất hợp pháp, nhưng không cần xin Visa nhập cảnh) gồm Nguyễn Văn P, Đặng Hữu H1, Nguyễn Thị Hương L2, Nguyễn Thị X, Hồ Trọng V và Hồ Công Anh T với chi phí là 65.000 Đô la Mỹ (USD)/01 người (tương đương 1.560.000.000 đồng) đặt cọc trước 10.000 USD/01 người (tương đương 240.000.000 đồng) để trả tiền vé máy bay và chi phí sinh hoạt khi đến nước ngoài, số tiền còn lại sẽ trả cho Anna T3 tại C hoặc Chi Lê trước khi xuất cảnh sang Mỹ, nếu không xuất cảnh được thì K sẽ hoàn trả lại tiền. Thực hiện, K nhận tiền đặt cọc trực tiếp bằng tiền mặt hoặc qua chuyển khoản vào tài khoản 0071000718948 tên HOANG VAN QUOC KHANH tại Ngân hàng V2. Trong đó, P và H1 mỗi người chuyển khoản 240.000.000 đồng, X chuyển khoản 120.000.000 đồng, L2

và V mỗi ngày chuyển khoản 110.000.000 đồng, T thì được người nhà ở Mỹ nhờ người đàn ông (không rõ lai lịch) đưa 240.000.000 đồng cho K. Tổng cộng 1.060.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền đặt cọc, theo yêu cầu của Anna T3, cuối tháng 09/2023 K mua 06 vé máy bay (tại đại lý vé máy bay ở quận T, Thành phố Hồ Chí Minh không nhớ địa chỉ) giá 12.000.000 đồng/01 vé, rồi gửi cùng giấy xác nhận đặt phòng khách sạn tại Malaysia (do A Trương đặt qua tài khoản Whatsapp) cho P, H1, L2, X, V và T để làm thủ tục xuất cảnh tại Sân bay Quốc tế T, Thành phố Hồ Chí Minh sang Malaysia theo diện du lịch, nhằm mục đích chứng minh khả năng tài chính và tránh bị phát hiện khi xuất cảnh sang C hoặc Chi L4 (theo đó P và T đã xuất cảnh sang Malaysia ngày 03/10/2023; H1, L2 và V xuất cảnh sang Malaysia ngày 04/10/2023; X xuất cảnh sang M ngày 12/10/2023). Sau đó K tiếp tục mua vé máy bay (giá 12.000.000 đồng/01 vé) rồi gửi qua tài khoản Whatsapp cho P, H1, L2, X, V và T để nhập cảnh trở lại Việt Nam (theo đó P và T nhập cảnh ngày 05/11/2023; H1, L2, V nhập cảnh ngày 06/11/2023; Xuân nhập cảnh ngày 07/11/2023). Sau đó 06 người tự thuê khách sạn tại Thành phố Hồ Chí Minh để ở, chờ K làm giấy tờ xuất cảnh sang Cu Ba.

Trong thời gian này, Anna T3 tiếp tục giới thiệu cho K 03 người có nhu cầu xuất khẩu sang Mỹ (để ở lại lao động bất hợp pháp, nhưng không cần xin Visa nhập cảnh) bằng cách từ Việt Nam xuất cảnh sang Cuba hoặc sang C, rồi nhập cảnh trái phép vào Mỹ, gồm Lê Văn Đ, Nguyễn Thị Thùy L3 và Nguyễn Thành M2, chi phí của 03 người này đóng trực tiếp cho Anna T3, khi nhập cảnh được Cuba hoặc Chi L4, thì K được trả công là 1.000 Đô la Mỹ/01 người (tương đương 24.000.000 đồng).

K thuê người đàn ông (không rõ lai lịch) ở khu vực trước cổng Tổng Lãnh sự quán C2 tại Thành phố Hồ Chí Minh làm hồ sơ xin cấp Visa theo

diện du lịch Cu Ba cho 09 người nêu trên giá 43.200.000 đồng, nhưng K báo cho Anna T3 chi phí làm Visa cho 09 người là 75.600.000 đồng. Đến giữ tháng 11/2023, người đàn ông (không rõ lai lịch) là người của Anna T3 đã liên hệ đưa 75.600.000 đồng (chi phí làm Visa) cho K.

Sau khi có Visa du lịch Cu B, K gửi cùng với vé máy bay khứ hồi Việt Nam - Cu Ba và giấy xác nhận đặt phòng khách sạn tại C (do A Trương đặt qua tài khoản Whatsapp) cho 09 người nêu trên làm thủ tục xuất cảnh tại Sân bay Quốc tế T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, M2, L3 và Đ xuất cảnh sang Cu Ba ngày 13/11/2023; P, T, Vương L5, H1 và X xuất cảnh sang Cu Ba ngày 20/11/2023, rồi ở khách sạn, chờ người của Anna Trương đón. Đến ngày 26/11/2023 cơ quan chức năng tại C kiểm tra, phát hiện số người trên có mục đích đi du lịch để xuất cảnh trái phép sang Mỹ nên đã trục xuất 09 người trở lại Việt Nam vào ngày 01/12/2023, tại Sân bay Quốc tế T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02/12/2023, Anna T3 tiếp tục gửi cho K vé máy bay kèm theo Tờ bảo hiểm du lịch của Võ Thị T1 (là người của Anna T3 giới thiệu cho K) và của 09 người nêu trên, để K in ra cùng giấy xác nhận đặt phòng khách sạn (do K đặt

trên trang Booking.com. không nhớ tên tài khoản đăng ký) và lịch trình tour du lịch Chi L4 (do K lên mạng internet tìm kiếm và tải xuống) rồi thuê dịch vụ xe ôm giao cho từng người theo địa chỉ khách sạn đang ở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó Anna T3 cho người đàn ông (không rõ lai lịch) đưa 375.000.000 đồng cho K tại quán cà phê ở quận T (không xác định được) và K bỏ thêm 355.000.000 đồng, rồi chuyển khoản tổng cộng 730.000.000 đồng cho P nhờ đổi 30.000 Đô la Mỹ, trong đó P giữ lại 3.000 Đô la Mỹ; đưa cho V, L5 và X mỗi người 2.000 Đô la Mỹ; đưa cho T, H1, Đ và L3 mỗi người 3.000 Đô la Mỹ và đưa cho 03 người khác (là người của Anna T3 không xác định được lai lịch) đi cùng chuyến bay theo yêu cầu của Anna T3, để chi tiêu khi đến Chi Lê .

Ngày 03/12/2023, T1, M2, L3, Đ, P, T, V, L5, H1 và X (tổng cộng 10 người) đến Sân bay T, Thành phố Hồ Chí Minh làm thủ tục xuất cảnh đi C, thì bị hãng hàng không E từ chối vận chuyển do chưa có Visa quá cảnh BraZil, nên K báo cho Anna Trương B1, Anna T3 yêu cầu K làm lại hộ chiếu cho 09 người (trừ Võ Thị T1) vì hộ chiếu đã bị đóng dấu “Hủy”, nếu tiếp tục xuất cảnh sẽ bị phát hiện. Vì vậy, K thuê Hoàng Thị T4 làm thủ tục cấp lại hộ chiếu cho M2, L3, Đ, P, T, V, L5, H1 và X, thì sự việc đã bị phát hiện, nên K trả lại: 72.000.000 đồng cho X; 53.000.000 đồng cho T; 98.000.000 đồng cho vợ chồng V và L5; 144.000.000 đồng cho vợ chồng P và H1 (tổng cộng 497.000.000 đồng); ngoài ra ngày 04/12/2023, người đàn ông (không rõ lai lịch, người của Anna T5) đưa 360.000.000 đồng cho K, để trả lại cho T1.

Số tiền 1.060.000.000 đồng K đã nhận của 06 người; nhận 75.600.000 đồng phí dịch vụ làm Visa Cu B và 375.000.000 đồng để đổi sang Đô la Mỹ của Anna T3, sau khi trừ các chi phí và trừ 497.000.000 đồng trả lại cho 06 người, K đã thu lợi 9.570.000 đồng.

Đến ngày 11/3/2024, Hoàng Văn Quốc K bị Cơ quan An ninh điều tra Công an Thành phố H ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, để điều tra.

2. Hành vi phạm tội “Tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép” của Nguyễn Thị H và Trương Công T6:

Tháng 6/2023, Nguyễn Thị H quen người phụ nữ tên A (không rõ lai lịch, định cư tại Mỹ), sử dụng tài khoản Facebook tên “A1”. Sau đó, A nói H tìm kiếm, giới thiệu và đưa đón người có nhu cầu xuất cảnh sang Mỹ, để ở lại lao động bất hợp pháp, nhưng không cần xin Visa nhập cảnh bằng cách, từ Việt Nam xuất cảnh sang C, sẽ có người của A đón, tổ chức nhập cảnh trái phép vào Mỹ. Khi khách nhập cảnh được Chi L4, thì H được “Anna” trả công là 500 Đô la Mỹ (USD)/ 01 người (tương đương 12.000.000 đồng), H đồng ý.

Đến đầu tháng 11/2023, A giới thiệu Phan Hoàng V1, Phạm Trọng H3, Nguyễn Thanh T2 và Phạm Hồng P1 cho H làm thủ tục xuất cảnh sang C, sẽ có người Anna đón, tổ chức nhập cảnh trái phép từ Mexico vào Mỹ, để ở lại lao động bất hợp pháp, nếu sang được Chi L4 thì A trả công cho H 2.000 Đô la Mỹ (tương đương 48.000.000 đồng). Để thực hiện, H rủ Trương Công T6 (bạn trai của H) cùng tham gia, T6 đồng ý. Khoảng 01 tuần sau, H sử dụng tài khoản

Facebook tên “T” gửi hình 04 bộ chiếu của V1, H3, T2 và P1 cho A đặt vé máy bay, đặt phòng khách

Đến san. ngày 02/12/2023, Anna gửi thông tin vé máy bay, giấy xác nhận đặt phòng khách sạn cùng lịch trình tour du lịch Chi Lê của 04 người cho H biết, H gửi vào tài khoản Facebook tên “Tony” của T6. Ngày 03/12/2023, T6 in vé máy bay, giấy đặt phòng khách sạn cùng lịch trình tour du lịch C, đến khách sạn tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ địa chỉ) giao cho V1, H3, T2 và P1, rồi đón taxi đưa 04 người đến Sân bay Quốc tế T làm thủ tục xuất cảnh đi C, nhưng đã bị hãng hàng không E từ chối vận chuyển do chưa có Visa quá cảnh Brazil, thì bị phát hiện như trên, nên H và T6 chưa được hưởng lợi.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Iphone (thu giữ của Hoàng Văn Quốc K). 01 điện thoại di động hiệu Samsung (thu giữ của Trương Công T6) và 01 điện thoại di động hiệu Samsung (thu giữ của Nguyễn Thị H). Ngoài ra, quá trình điều tra, bà Hoàng Thị Trà G là chị ruột của Hoàng Văn Quốc K đã thay K nộp lại 9.570.000 đồng là tiền thu lợi bất chính.

Tại bản cáo trạng số 669/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 18 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

Hoàng Văn Quốc K, về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, theo các điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Thị H và Trương Công T6, về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 604/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Văn Quốc K 05 (năm) năm tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần tội danh, hình phạt đối với bị cáo Trương Công T6, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 23/12/2024, bị cáo Hoàng Văn Quốc K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/12/2024, bị cáo Nguyễn Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo giữ nguyên kháng cáo, thừa nhận án sơ thẩm đã xét xử đúng

hành vi và cung cấp các tài liệu về gia đình có người có công, bản thân có đóng góp thiện nguyện và cứu giúp người khác được Ủy ban nhân dân (UBND) xã xác nhận. Ngoài ra bị cáo H cung cấp thêm các tài liệu liên quan đến việc bị cáo đang khám chữa bệnh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: các cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong hạn luật định, hợp lệ.

Về nội dung: Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và cung cấp các tài liệu, chứng cứ mới về việc gia đình có công với đất nước; bị cáo K có hành vi cứu người được UBND xã xác nhận; bị cáo H có nhiều bệnh và hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm một phần hình phạt đối với bị cáo K từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; bị cáo H giảm hình phạt từ 06 tháng cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo đã rất hối hận và xin được chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của các bị cáo là trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, quyền và nghĩa vụ của bị cáo cùng những người tham gia tố tụng khác được đảm bảo; các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp, khách quan và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Các bị cáo đã được tự nguyện khai báo, không bị ép cung, nhục hình.

[2] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập đủ cơ sở kết luận: từ tháng 6/2023 đến tháng 12/2023, vì vụ lợi, các bị cáo Hoàng Văn Quốc K, Nguyễn Thị H và Trương Công T6 đã cố ý thỏa thuận với đối tượng tên Anna T3 (không rõ lai lịch) nhận liên hệ tìm những người Việt Nam có nhu cầu nhập cảnh trái phép vào Hoa Kỳ với mục đích ở lại lao động bất hợp pháp, sau đó giúp sức cho họ xuất cảnh bằng cách mua vé máy bay đi du lịch các nước Cu Ba hoặc C... Các đối tượng thống nhất khi Anna T3 tiếp nhận các cá nhân để tổ chức nhập cảnh trái phép vào Hoa Kỳ thì sẽ được nhận tiền công.

Bằng cách này, Hoàng Văn Quốc K đã tiến hành 03 lần tổ chức cho tổng số 10 người Việt Nam trốn đi sang Hoa Kỳ với mục đích ở lại lao động, K đưa họ đến sân bay quốc tế T để làm thủ tục xuất cảnh từ Việt Nam sang C Lê theo diện du lịch, tại đây Anna Trương tiếp nhận họ rồi tổ chức nhập cảnh trái phép vào Hoa Kỳ.

Đối với Nguyễn Thị H, theo yêu cầu của Anna T3 đã đưa 04 người Việt Nam do đối tượng này giới thiệu đến sân bay quốc tế T làm thủ tục xuất cảnh

sang Chi Lê để A tiếp nhận và đưa họ nhập cảnh trái phép vào Hoa Kỳ với mục đích ở lại lao động.

Cả K và H chưa nhận được tiền từ A thì bị phát hiện. Riêng K đã hưởng lợi 9.570.000 đồng từ việc khách ứng trước chi phí xuất cảnh.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, truy tố và xét xử các bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” theo Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Với số người và số lần tổ chức, bị cáo K bị áp dụng các tình tiết định khung hình phạt tại điểm b, c khoản 2 Điều 349 Bộ luật Hình sự và bị cáo H bị xử lý trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 349 Bộ luật hình sự là đúng quy định. Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi từng bị cáo đã thực hiện và các tình tiết về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, án sơ thẩm đã tuyên phạt các bị cáo là tương xứng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Xét kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Quốc K xin giảm nhẹ hình phạt với các lý do đã nêu trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bị cáo có khai nại ra những tình tiết khác là không biết hành vi của Anna Trương L6 vi phạm pháp luật, chỉ nghĩ là hỗ trợ người có nhu cầu xuất cảnh và lấy tiền công. Tuy nhiên, với các chứng cứ thể hiện bị cáo đã trao đổi và làm theo yêu cầu của Anna T3, bị cáo buộc phải nhận thức được đây là hành vi trái pháp luật nên không có cơ sở để chấp nhận lý do này. Về tình tiết gia đình có công các bị cáo đã được án sơ thẩm ghi nhận khi lượng hình. Các tài liệu còn lại bị cáo xuất trình tại giai đoạn xét xử phúc thẩm chỉ thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và bị cáo đã được án sơ thẩm xét xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt là không nặng, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo để xét xử dưới mức khởi điểm.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng bị cáo đã có nhân thân xấu, trước đây đã từng bị xử lý về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*” nên không có cơ sở cho hưởng án treo. Xét bị cáo hoàn cảnh khó khăn, bệnh nặng nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần như đã nhận định trên.

Bị cáo K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn Quốc K; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 604/2024/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Hoàng Văn Quốc K **05 (năm) năm tù** về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2024.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị H **01 (một) năm tù** về tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Bị cáo K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (3);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an Thành phố TP.HCM (1);
- Trại Tạm giam (Chí Hòa) - CATP.HCM (2);
- Người tham gia tố tụng (2)
- Lưu VP(3), HS(2). 16b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ